

THIÊN GIẢI THÍCH TĂNG TƯỢNG

Hai chữ trên trong đề là cảnh sở kính, hai chữ dưới là nghi năng kính. Tăng là chung đối với riêng, tượng là về kinh pháp. Chữ Tức trở xuống là lập nghi kính.

Văn trong ba khoa thì Tam bảo là thắng cảnh, chung làm sở kính (xưa nói rằng Tăng là năng kính, tượng là sở kính, là sai) lấy lời kia liên cho Tăng ở đầu. Chữ Chuẩn trở xuống là nghi kính, Phật để ở trước. Trí là thuận đến, văn nói là đưa đến, nghĩa là dùng tâm chí kính đưa đến cảnh cao siêu.

Trong bày ý, văn đầu tiên hai câu trên là nói mở mang lập pháp, nghĩa là chúng Tỳ-kheo nêu sự có pháp, giáo hóa giúp thời thế xán lạn sinh thiện, phát sinh lòng tin cho chúng sinh, thì bày sự cao sâu của Phật pháp cho người biết quy hướng, vì vậy nên nói rằng cảnh ngưỡng do đây mà lập. Chữ Khiêm trở xuống bốn câu là nói chỗ tôn sùng của đạo, tục. Tôn cách khiêm cung là nói trong tâm kia, liễm kính nhiếp nghi là nói mặt bên ngoài, hạ mình tự thấp là khiêm tốn, tôn trọng người gọi là cung cách, nhà Nho có lễ ký, đầu tiên nói là “thấy đều cung kính”, là biết người kính chữ lễ. Lại, Nho giáo không ngoài năm điều thường mà là lễ chung. Luận Ngữ chép: “Cung mà không lễ thì nhọc”, thì biết khiêm kính sách thế tục chỉ bày rõ, cho nên nói là mạng chương.

Chữ Hựu trở xuống là dẫn Phật chế kính Phật Pháp Tăng, thầy trò nhiếp nhau, thượng trung hạ tọa lễ kính lẫn nhau, thì biết tôn cách Phật pháp đưa lên trước, cho nên nói rằng “Bên ở đầu”, hoặc có thể phạm đối với thắng cảnh, hoặc thấy tôn thượng quyết trước chí kính cho nên nói là mới. Chữ Khởi trở xuống là nói kính mạn có thể hay chẳng. Hai câu trên là bày việc chẳng nên làm, hai câu dưới là nói phải lập kính. Hình nghĩa là tiêu tước, phục tức hoại y. cứ mạn nghĩa là cao ngạo với người. Mới gọi là pháp ngộ, ở sau có nói rõ. Nhưng người xuất gia khác thế tục không chỉ nghi tướng bên ngoài, mà phải do nội pháp cho nên nói là thanh cách.

Trong dẫn chứng xét sở đoản của mình thì trong có tâm hổ thẹn, do có hổ thẹn thì biết tôn trọng người, biết hổ thẹn là gốc của cung kính. Kiêu mạn tự khoe khoang là không biết hổ thẹn. Chữ Thị trở xuống là khuyển tu, hễ ở đạo của ta nên vâng lời Phật dạy.

Trong phần thứ ba, ban đầu bày lễ hoại, hai câu trên là chỉ bày chung. Di là biến đổi, đạ là cạn mỏng. Sáu câu kế giải thích riêng. Bỉ là tệ xấu, mặt là rốt sau, vì là Lãnh tự cho nên đứng đầu trong chúng.

Mi là đầu chân mày, thọ là tuổi cao, ngược tướng cho nên đi ở sau. Vũ lực là ý thế lấn hiếp người. Văn hoa nghĩa là văn chương thế tục. Bốn câu trên bày ngồi, kế là trái đạo. Hai câu dưới nêu rõ đồng thế tục. Thời xưa còn vậy, huống gì nay là thời suy mạt, không đáng lấy làm lạ. Chữ Như trở xuống là kết khuyến sinh khởi. Đề dẫn tức chỉ ngay thiên này. Nói răn dạy là trình bày sự dạy dỗ.

Khoa kế, trong phần chia chương, chỉ như đề tức bốn chương pháp phó.

Trong ý chế, khoa đầu, luận Đại Trí Độ trước nói về cảnh chân, do sinh thân của Phật là pháp thân, là chỗ sở y, chữ Như trở xuống là dẫn duyên chứng. Phật lên cõi trời Đao-lợi nói pháp cho mẹ nghe, khi khắp từ cõi trời xuống nhân gian, chúng đều đón rước. Tu-bồ-đề ở trong thất đá thực hành Tam-muội Không, nghĩ rằng: “Phật thường nói: Nếu người dùng mắt trí tuệ quán sát pháp thân Phật là thấy Phật trước”, nghĩ rồi chỉ ngồi yên trong thất. Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc muốn gặp Phật trước bèn hóa thành Luân vương ngàn người con cùng theo, mọi người thấy vậy bèn tránh đường, nhờ đó được gặp Phật trước, Liên Hoa sắc hiện lại thân cũ đánh lễ Phật, Phật nói: “Người chẳng phải là người gặp ta trước, mà chính Tu-bồ-đề là người gặp ta trước vì thực hành quán không, được thấy pháp thân gọi là chân cúng dường (do Phật quở “thôi đi” cho nên nói là không nhận).

Kế, trong ý kính, đầu tiên là gạn bày, chữ Tứ Phần trở xuống là dẫn giải thích văn, xuất xứ từ ở kiên-độ phòng xá. Luật kia chép: Bấy giờ, Phật từ thành Vương xá cùng các Tỳ-kheo đi trong nhân gian đến thành Tỳ-xá-ly, bấy giờ nhóm tỳ-kheo sáu vị đến trước lấy phòng cho Hòa-thượng và người quen biết, v.v... Khi Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đến sau không có phòng nghỉ, phải ngủ trên đất, do đó Phật nhóm chúng quở trách, như số Sao có dẫn. Ban đầu dẫn lời Phật hỏi, chữ Chư trở xuống là chúng đáp. Chữ Phật trở xuống là quở trách, liền thấy ý chế. Chữ Quảng trở xuống là dẫn duyên, kia chép: “Thuở xưa có con voi, con khỉ và con chim rất thân nhau (xuyết phải là gọt ngược, nhĩ nhĩ chú thích rằng lớn như chim bồ câu cũng gọi là cư hoặc nói là chim sẻ) nương một cây Ni-câu-luật. Chúng nghĩ rằng: “Chúng ta ở chung phải cung kính nhau, hỏi thăm nhau, nhớ việc xa gần.” Voi nói: “Tôi nhớ lúc nhỏ cây này chạm bụng tôi.” Khỉ nói: “Tôi nhớ cây này hễ giờ tay là đến ngọn nó.” Chim nói: “Tôi nhớ mặt đá núi Tuyết có cây Ni-câu-luật lớn, tôi ở cây đó ăn trái, bay đến đây nhả ra hạt, mọc lên cây này.” Bấy giờ voi để khỉ trên đầu, khỉ để chim bên vai đi khắp nơi thôn xóm, nói

kệ như sau:

Câu trên là hạnh cung kính

Câu kế là nói lợi ích

Câu ba là hiện quả báo

Câu bốn là hậu quả.

Chữ Nhữ trở xuống là khuyên nương. Chữ Tự trở xuống là lập chế.

Ngày nay chúng tăng không có tôn ty riêng, bậc túc đức sinh muộn làm lễ lẫn nhau, thọ giới luống chia thời phần, ngồi hạ luống đếm cựa sâu, than ôi! Đời mỏng, tình phù phiếm. Đau đớn thay, luật pháp bằng hoại, người có tâm mở mang nên tha thiết noi theo.

Khoa kế, trong kinh Đại Bi đầu tiên nói về tu nhân, khuyên là tận tâm, trặc là lánh xa. Chữ cho nên trở xuống là kế nói cảm quả, như Phật khi sắp thành đạo ở bên sông Ni liên, thân thể gầy yếu không thể tự đứng vững, chiêu cảm cây rễ cành xuống giúp Phật đứng lên. Đến khi nhập diệt rừng Song thọ biến thành màu trắng, v.v... vô tình còn như vậy huống chi làm hữu tình?

Trong kinh Tăng Nhất, đầu tiên nói về quả báo vị lai. Chữ Dĩ trở xuống là suy ra nhân cũ. Trong kinh Tạp A-hàm răn dè nhắc nhở Tỳ-kheo. Bốn chúng là sở kính. Thu nhiếp các căn, nghĩa là cung kính cẩn thận. Đem dài là chung cả hiện tại và vị lai. An vui là chung cho thế và xuất thế.

Trong phần ba, luận Trí Độ đầu tiên nói đối với Phật khác nhau có bốn: Hai món trước là tục chúng đều ngồi, Hữu học và Vô học chia riêng. Ba đạo là ba quả, phạm phu rất dễ biết. Chưa xong nghĩa là chỗ chứng của đạo. Chia phá nghĩa là hoặc được dứt bỏ. Chữ hựu trở xuống là nói đại tiểu ngồi có thứ lớp, bao nhiêu. Phật tăng chúng ba thừa ngồi vị khác nhau. Chúng của Đức Thích-ca thuần là Thịnh Văn, cho nên nói là không riêng Bồ-tát tăng. Văn-thù-sư-lợi, Hán dịch là Diệu cát tường. Di-lặc dịch là Từ Thị. Thứ lớp là y vào tuổi hạ, theo đây để nói các đại Bồ-tát quyết nên thị hiện luật nghi Thịnh Văn, tức như kinh nói là hiện thân Thịnh Văn mà nói pháp.

Khoa kế, trong phần không nên, văn đầu tiên có bốn món, trước là người thế tục, còn là đạo chúng. Lại nữa, hai là hạ tọa, ba là chẳng phải Tăng, bốn là Vô đức.

Trong phần ba nói mười ba nạn, người không có giới thiếu hạnh ba học (Giới, định, tuệ). Hai diệt thể hoại, xưa triều đình phần nhiều ra lệnh cho tăng lạy vua và cha mẹ, bởi không biết Tam Bảo là ruộng

phước cho bốn loài nương nhờ, đạo vượt lưới trần, đức khỏi sự ràng buộc, chẳng phải tôi của vua, không phải con của cha mẹ, chẳng nằm trong số bốn dân, là khách trong ba cõi, thân tuy vượt khỏi các hình thức nhưng tâm dám đâu quên vâng kính, nhưng do chí cầu giải thoát, báo đáp cù lao, không lưới huân tu, giúp trên trị nước, giáo hóa người dân, đâu phải bái lạy mới là báo đức.

Trong bảo lương, nói tám khinh là do không biết hổ thẹn, khinh mạn người có đức, tức do nơi tâm, tám pháp sau đây đều là quả báo vị lai, hoặc có thể sáu và bảy chung ở hiện tại và vị lai. Chử cho đến trở xuống là nói đức mỏng, người phá giới không có phần, tức kinh Phạm Võng nói “Không được đi trên đất của vua, không được uống nước của vua, năm ngàn đại quỷ thường đứng che trước mặt, chà quét dấu chân người ấy và mắng là tên cướp nguy hiểm” lại như kinh Phật Tạng nói “Không tiêu một chén nước, một miếng vải, hưởng gì là bốn thứ cần dùng”. Chỉ cho thiên trên tức trong phần đối thí.

Trong phần nên lễ, văn đầu tiên thì, vô duyên là duyên thấy. Khoa kế, dưới lễ trên nên nói là hợp kính. Trong lớn nhỏ, kính nhau tự nói cho nên ở đây chỉ cho đó.

Trong phần thứ hai, đầu tiên dẫn nhiều văn, luật Tứ Phần nói mười món lớn nhỏ chia làm hai. Kinh Tăng Nhất, trong tháp gọi là phi xứ, luật Ngũ Phần nói sân nhau gọi là tâm ác, luật Thập Tụng có năm, chữ tịnh trở xuống là trước hai tháp là bảy, luật Tăng-kỳ có bảy, chia ra rất dễ thấy. Ngũ Bách Vấn là bày ra khuôn phép, y cứ ra là phạm tội Đột-cát-la. Luật Tăng-kỳ có sáu món, chữ giai trở xuống là bày riêng kinh tháp v.v... ý không thật có.

Trong thứ ba, tiêu phần có ba: Trước là Phật Bảo, nghĩa lễ ra gồm cả Pháp. Sau chánh là nói rằng tượng Phật, kinh sách, trụ trì nghĩa đồng, tức chữ tượng trong tựa đề. Hai khoa sau tăng có phần riêng, tức là chữ Tăng trong tựa đề.

Trong kính nghi, khoa đầu là chánh nói, y cứ giới trộm ở trước, vật Phật thọ dùng cho đến vật vì Phật đều không được mua bán. Chi-đề cũng dịch là Miếu. Chử có trở xuống là dẫn chứng. Vua là vua Bình-sa. Văn chú nói thế luôn ở trên, nên là sách lớn, nghi kia truyền lầm. Thí Phật thì thường không chung với Tăng, thí cho Tăng thì gồm cả Phật.

Khoa kế nói năm công đức, bốn món trước là quả báo riêng và bày nhân quả, một món sau là quả báo chung ở trước làm nhơ cho nên chỉ bày quả. Kinh nói Nam-mô, trong âm nghĩa dịch là quy lễ, hoặc dịch là quy kính, hoặc nói là độ ngã. Như lai, Thành Luận nói rằng: “Nương

đạo như thật, đến thành Chánh giác ”, không có chấp trước là lìa trần nhiễm. Chí chân là lìa luống dối. Đẳng Chánh giác nghĩa là ba đời đạo đồng, chánh là phân biệt tà vọng ở trước. Chữ thử trở xuống là khuyên tu. Chữ Phật sở hành trở xuống là kẻ phàm nên học.

Trong phần thứ ba, đầu tiên dẫn ba lễ. Miệng, tức nói tướng xét hỏi gọi là hạ lễ, cong gối tức quỳ là trung lễ, trám chắm đến đất tức cúi đầu. Thử địa trở xuống là bày năm vòng. Địa Trì nói không cho nên dẫn A-hàm tiếp tục giải thích, năm chỗ đều tròn đầy nên nói là năm vòng. Bốn chi và đầu gọi là năm thể, luân thì chỉ riêng năm chỗ, thể thì không gọi một thân. Chữ tiên trở xuống là chánh bày nghi lễ. Chánh lập (Đứng thẳng) là nhiếp oai nghi của thân, chấp tay là định tâm tưởng, hai tay bằng nhau, các ngón đều nhau. Người thời nay chỉ bằng ngón thôi. Khuất thì trước xuống sau lên, khởi thì trước lên sau xuống, cho nên chú thích rằng không lẫn lộn. Tay nương chân là duỗi tay xuôi xuống tiêu biểu cho cung kính rất mực. Người ngày nay có kiết ấn là không biết pháp. Đời suy pháp tán không biết lễ nghi, hoặc lạm văn này nên cầu y theo tiêu chuẩn.

Trong phần thứ tư, dẫn hai đoạn luận, ba câu đầu của đoạn trước là gồm nêu. Chữ tri trở xuống lại giải thích sáu nghĩa, thông là tâm kính, riêng là chia ba nghiệp. Hai chữ cung kính nghĩa phải gồm thân, lại không y cứ năng kính. Hai chữ tôn trọng thì gồm sở kính. Chữ lại nói trở xuống là dẫn đoạn kế. Trên nêu dụ Phật như ruộng phì nhiêu, chuyển tâm như giống tốt, bền chắc như gieo giống trong ruộng ấy. Chữ tùy sấp xuống là hợp pháp, một điều lành v.v... là nhân, đến Phật là quả. Chữ do trở xuống là nói lên ý.

Trong thứ năm, Luận Tỳ-ni Mẫu nói ở Ấn-độ, đi chân đất là kính, cho nên không được vào tháp, xử này cho sự mang đấp là lễ, hoặc mang giày cũng cần sạch sẽ. Chỗ tuyết lạnh cho phép, là khai ở vùng biên giới.

Trong Tam Thiên oai nghi ban đầu nói về phép nhiễu, một biện pháp kém, hai là bày lòng từ, ba là lìa khinh trạo, bốn lìa xúc uế, năm là lìa ồn ào. Chữ hựu đương trở xuống là kế nói dụng tâm. Nhớ nghĩ ân Phật là từ vô lượng kiếp đến nay vì độ chúng ta không tiếc thân mạng để cầu Bồ-đề. Nghĩ trí Phật là dùng phương tiện khéo léo không thể nghĩ bàn. Nhớ nghĩ giới kính là ba tạng giáo pháp, khai phát cho ta. Nhớ nghĩ công đức là oai thần tướng tốt không gì sánh bằng. Niệm tinh tấn là cho đến không có chỗ nào bằng hột cải mà không phải là chỗ bỏ thân mạng. Nhớ nghĩ Nê-hoàn là thị hiện diệt độ khiến các chúng sinh kính

mến riêng ta. Cho đến là lướt giáng sinh thành đạo, xoay bánh xe pháp. Tăng là ruộng phước, thầy thì nhiếp dẫn (biên tức Tam Bảo). Cha mẹ sinh nuôi, bạn học cần nhắc đều suy nghĩ báo ân cho nên nhớ nghĩ tất cả người tức lợi tha, nhớ nghĩ học tuệ tức tự lợi. Nhớ nghĩ dứt trừ bỏ tức bỏ sấm sửa phước trời. Mưa bỏ giày, thì biết trời trong cũng cho mang lên, chỉ cần sạch sẽ. Như trong chỗ nhớ nghĩ không ngoài Tam Bảo, bạn bè, từ bi, phước tuệ, tự lợi, lợi tha, v.v... tìm đó sẽ thấy.

Trong thứ sáu, Ngũ Bách Vấn giúp sự hiềm nghi. Luận Đại Trí Độ bày pháp nhiều, Hiền Ngu rõ lẽ từ, kia nói: “Xá-lợi-phất từ tạ Phật nhập Niết-bàn”. Phật hỏi: “Sao không phạm một kiếp”?

Đáp: Đức Thế tôn tuổi đã tám mươi mà không nhập vào Niết-bàn, con không nỡ thấy Như lai nhập Niết-bàn. Lại Chư Phật ba đời, hàng đệ tử thượng túc đều nhập Niết-bàn trước (xét Kinh Bốn Khởi là Xá-lợi-phất là đệ tử bên mặt, Mục-liên ở bên trái).

Văn kinh chỉ nói đi chung quanh, tiếp tục dẫn luật Thiện Kiến nói đầy đủ về nghi thức. Trong Tạp A-hàm nói lẽ chân là bày tốt sự cung kính. Nhưng các kinh luận đều khiến đi nhiều theo chiều bên phải. Xưa nay tranh luận ồn ào không dứt, đều do không hiểu hai nghi nhiều Phật nhiều đàn có khác, lại y cứ thẳng, tổ dạy lược rõ đường lớn, còn bao nhiêu rộng như nói riêng. Đầu tiên nói nhiều Phật, là nghi quy kính, nói rằng nhiều bên phải là mặt xoay về Tây Bắc. (như tượng xoay mặt về phía Nam, người đi xoay mặt về hướng Bắc, giở chân xoay mặt về hướng Tây, mà đi về phía Bắc). Vai phải hầu hướng Phật mà cung (Đây là bày chính nghi) vì như thấy có vị Tăng, chẳng phải ở pháp này. Lại Đông xoay Bắc chuyển đây là nhiều bên phải (Nêu ra lầm). Phạm Tăng ở Tây Trúc kinh hành đây ấp thành ấp kinh đô, xoay nhiều mắt nhìn dấu chân kia đều xoay về hướng Tây mà đi nhiều bên phải, để thuận thiên đạo như mặt. (Đây là dẫn việc đích thân thấy để chứng thành nghĩa trên).

Kế là nói nhiều đàn, Cẩm Thông Truyện vị trời nói về giới đàn Tây Trúc rằng: “Chúng Tăng dâng đàn thọ giới, thuyết giới, xong việc xoay về hướng Đông nhiều bên trái rồi lại ra phía Nam”. Giới Đàn Kinh, Tổ Sư đối chân ý nói rằng: “Luận Sư chớ thấy xoay về hướng Đông nhiều bên trái cho là phi pháp, đây chính là đại lý thiên thường”. (Cẩm Thông Truyện chép: “Thiên thường chính là bên trái người, thường là bên phải”). Tổ dạy rõ rằng người vọng xuyên tạc, hoặc khúc dẫn sách thế tục (như sách thiên văn các mùa, nói về Trường giả), hoặc vọng nương việc đời (Như chấp trâu đập lúa con nhện giăng lưới). Vả lại,

nhiều Phật vốn là chí kính, nhiều đàn là tiện về thành sự. Chí kính thì quyết phải nhiều bên phải để tiêu biểu cung kính siêng năng giữ gìn. Hành sự thì quyết cần nhiều bên trái để tiện trên dưới mà thứ lớp (như cách thức vào nhà ăn, khi nói tự tử và vào nhà) quyết nương theo đây phán, đâu có nghi ngờ?

- Nếu vậy sao Đàn Kinh nói: “Xoay Đông chuyển Bắc nhiều Phật một vòng”?

Đáp: Ở đây vốn đấng đàn là làm pháp thọ, do đó xoay sau Phật, cho nên nói rằng nhiều Phật, ở đây đồng điện tháp đặt biệt bày thấp kính ư? (Xưa, khi dẫn Tú Châu Linh Quang Xá-lợi nhiều bên trái làm chứng, đích thân chiêm lễ nhưng đều là chuông vàng lay động đâu thấy Xá-Lợi, trái hay phải đây cũng rất là luống dối).

Chánh rõ tướng kính, phần bác bỏ phi, ban đầu hợp kính. Thứ ngã đấng là không chỉ đời Mạc, kính tượng giống chân Phật, kính kinh đồng chân pháp, cho nên nói là đồng quán.

Chữ kim trở xuống là chánh bác bỏ, lại có bốn: Ban đầu chữ phi, chữ tịnh trở xuống là chỉ bày lý do, câu đầu là không trí, câu kế là không tin, câu ba là không biết, do không có ba thứ này nên không giữ lễ độ, cho nên nói rằng thiếu đại tiết. Chữ hoặc trở xuống là nêu ra tướng phi, văn này nhiều việc không ngoài ba nghiệp. Nương nghĩa là vén y bày vai. Đạn là nạn. Chữ trí trở xuống là tỏ hình trạng lỗi. Khoa kế, ban đầu dẫn văn lễ người, treo phướn lọng đều chẳng phải việc xấu, vẫn là răn dè khinh hối. Bởi đối với Thanh lại không có tôn trọng nên nói là kính chỗ riêng. Đạp là chân đạp lên. Chữ ký trở xuống là bày răn dạy. Ban đầu khuyên cẩn thận. Chữ chí trở xuống là chỉ bày pháp. Đi đến bên nước sâu dụ cho kia sợ sệt (kinh Thi nói rằng: “Chiến tranh tranh như bước đến vực sâu, như đi trên băng mỏng, nay dùng lầm”).

Chữ thử trở xuống là bày lợi ích, câu trên là khuyên người, câu dưới là cảm Thánh. Chữ thả trở xuống là nêu dụ. Khuyên đài là quận, huyện, quan điển. Chữ phạm trở xuống là khuyên nương tín nhiệm.

Trong riêng bác bỏ, ban đầu chỉ phi. Hạ sáng tức đáy sàng. Ngày nay bọn ngu phần nhiều tập theo phong tục sai lầm, người có hiểu biết nếu nghe xin sửa đổi lại. Tổ Sư có xuất hiện vào đời Tấn, Ngụy đích thân thấy việc kia bèn ở trên giường thiết lễ với Tăng, kia lại trách cho rằng kính người, v.v... mẫu mực tức chỉ cho pháp luật. Chữ dư trở xuống là dẫn chính thân truyền để kiểm nghiệm. Đã phải pháp Tây Trúc, rõ ràng là lạm hạnh cõi này. Chữ hựu trở xuống là dẫn văn để làm chứng, kinh kia có ba việc không nên lễ:

1. Mình ở chỗ cao, Thượng tọa ở chỗ thấp.
2. Thượng tọa ở trước, mình ở sau.
3. Mình ở trên tòa không nên lễ người dưới tòa, văn này thường dẫn kinh đối.

Trong phần tạp nêu, khoa đầu Thập Tụng nói có ba việc ban đầu đi ở trước là dẫn theo. Kỹ nhạc tức người ca và đồ nhạc. Y cứ sau luật Tăng-kỳ tức tự làm chẳng phải chỉ là tay cầm. Chữ vi trở xuống là bề thế người vì truyền tin. Văn khai Hòa-thượng, còn người khác lễ ra được (Xưa nói rằng giống như trong thế tục truyền lay trước nhận sai lễ, y cứ lý thú thì không phải vậy, chỉ cần thầy dặn dò, Thượng tọa chuẩn đồng).

Chữ đắc trở xuống là thứ ba nói đối tọa, hoặc là nhìn tướng hoặc lại thiên tụng. Luật Tăng-kỳ trước nói làm nhạc lia lồi, vẫn là quyết văn trì hành của Thập Tụng. Kế là sai thế tục làm, chỉ khai Phật sự.

Khoa kế, Trí Luận, Trì Thế đều nói ý Như lai để Xá-lợi lại là muốn nói cung kính được quả báo rất sâu. Mè, gạo, hột, cải đều so sánh với Xá-lợi. Kinh Trì Thế có bốn quyển: Thứ nhất nói: “Nay ta tuy được Bồ-đề vô thượng vẫn còn tinh tấn không thôi. Đến lúc Niết-bàn vẫn còn phát tâm tinh tấn”. Vát thân như hột cải là vì sao? Vì thương xót chúng sinh đời sau. Lại nên dùng Xá-lợi độ là vì tâm được thanh tịnh.

Trong thứ ba, có hai đoạn: Trước dẫn luật Tăng-kỳ chỉ bày chung bốn thời, lược dẫn thành đạo, xoay bánh xe pháp hai ngày cho nên nói là nhẫn đến (ngày nay chỉ biết hai thời cúng dường giáng sinh, Niết-bàn, còn hai học đời sau chưa nghe, người nghe nên thực hành).

Chữ tát trở xuống là kế định ngày tháng, lại có hai: Ban đầu dẫn văn chỉ bày khác, gồm rõ bốn ngày, nhưng chỉ hai ngày trùng lập, nay lấp điếm ứng giáng sinh ngày mồng tám tháng tư. Lại y cứ Niết-bàn ngày mười lăm tháng hai diệt độ thì bốn ngày là riêng khác, ta cũng có thể làm. Lại xứ này cơ duyên chỗ kia là một năm bốn ngày thời tiết của môn đồ họ Thích: Mồng tám tháng hai thành đạo, ngày rằm tháng hai nhập Niết-bàn, mồng tám tháng tư đản sinh, mồng tám tháng tám xoay bánh xe pháp. Nghĩa thích ứng thời chớ sự chuyên góc.

Ngày thành đạo chỉ là xuất xứ từ luận Tát-bà-đa hai ngày giáng sinh và nhập diệt như sau tự rõ.

Ngày xoay bánh xe pháp là y cứ luật Tứ Phần ngày nay, sau khi thành đạo năm mươi sáu ngày Phạm Vương mới tỉnh (Mồng năm tháng tư, vì một tháng thiếu) tìm đến vườn Nai tháng tư điều cơ (Mồng bảy tháng tám là hai tháng thiếu, đến đây nói pháp tức ngày mồng tám).

Hoặc có kinh nói sau khi thành đạo quá sáu lần bảy ngày (bốn mươi hai ngày) mới nói pháp, hoặc hai lần bảy (mười bốn ngày) hoặc là ba lần bảy (hai mươi một ngày) đều không nhất định.

Kế dẫn điềm ứng chỉ bày riêng giảng sinh. nói đủ rồi: “Thái Tử ứng điềm”. Kinh Bốn Khởi có hai quyển. Sau dẫn kinh Niết-bàn nói nguyệt đức là nói riêng nhập diệt. Niết-bàn ban đầu nói rằng, tức văn trong phần tựa quyển thứ nhất, phân biệt với ba mươi ở sau, kinh kia nói rằng: Trong ta-la Long Thọ, lúc ấy cùng đại tỳ-kheo tám mươi vạn trăm ngàn người trước sau cùng vây quanh. Mười lăm tháng hai đến thời Niết-bàn. Mười vị tiên là:

1. Xà-đề-thủ-na.
2. Bà-tư-tra.
3. Tiên-ni.
4. Ca-diếp Thị.
5. Phú-na.
6. Tịnh Phạm Chí.
7. Độc Tử.
8. Nạp Y Phạm Chí.
9. Hoàng Quảng Bà-la-môn.
10. Tu-bạt-đà-la.

Mười vị này là Thượng thủ của ngoại đạo, nghe Phật Niết-bàn, quy y được độ.

Quá ba tháng tức nửa tháng sau của tháng năm. Lại Sư Tử Hống quyển ba mươi chép: “Vì sao Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn vào tháng hai?”

Phật nói: này người Thiện nam! Tháng hai là tháng dương xuân, muôn vật sinh trưởng, hoa quả tốt tươi, sông ngòi đầy tràn, trăm thú sinh sản (Phù giống như sinh). Lúc này chúng sinh phần nhiều tưởng là thường, vì phá chấp thường của chúng sinh. Sư Tử Hống chép: Như lai ngày đản sinh, xuất gia, thành đạo, xoay bánh xe pháp mầu đều lấy ngày mồng tám, vì sao riêng Niết-bàn lại chọn ngày mười lăm?

Phật nói: này người Thiện nam! Như ngày mười lăm mặt trăng tròn đủ, Chư Phật, Như lai cũng giống như vậy, nhập đại Niết-bàn không có thiếu sót.

(Cho nên biết một kinh trước sau tự riêng, ngày nay liền dùng văn sau).

Trong Nguyệt Đức gần với luận Tát-bà-đa ở trên. A-hàm cũng nói rằng “Như lai Niết-bàn ngày mồng tám tháng tám”. Chử thử tinh trở

xuống là thứ hai, y cứ nghĩa hội thông. Ban đầu chánh nói, thứ hai dẫn chứng. Xá-bà-đề tức là Xá-vệ, trong văn lại nêu thấy nghe, theo Luận nói đủ là “Xá-vệ chín ức nhà, ba ức nhà thấy Phật, ba ức nhà tai nghe có Phật mà mắt không thấy, ba ức nhà không nghe không thấy”. Phật ở Xá-vệ hai mươi lăm năm mà các chúng sinh này không nghe không thấy hưởng chi ở xa (Luận nêu Vương Xá số ức, không nói thấy nghe). Do nghiệp kiêu mạn, nêu ra lý do không thấy và không nghe. Bọn ta sinh không gặp Phật đâu chẳng là kiêu mạn rất nặng hay sao? Vô ngữc tự trách, đau đớn đăm chìm, than ôi!

Chư Phật trở xuống là nêu dụ, diệt sau chánh pháp không bằng hiện tại, tượng pháp không bằng chánh pháp, đời mạt pháp không bằng tượng pháp, cho nên nói là chuyển nhẹ, nghĩa là tâm thờ Phật càng mỏng. Tâm nghiệp tức mạn tập. (Xưa ghi đều dùng Hạ ba đời Hạ, Ân, Chu mỏng một, hòa hợp các văn là rất trái ý Tổ, nếu có thể hòa hợp liền chẳng phải thấy nghe khác nhau, hưởng gì là kinh luận đều y cứ ngày tháng của Thiên-trúc, đâu hôm mỏng một của xứ này mà hòa hợp hay sao?)

Trong Cảm Thông Truyện, Tổ Sư hỏi vị trời rằng: xứ này truyền lúc Phật đản sinh không nhất định làm sao chỉ?

Vị trời đáp: Đều có lý do. Đệ tử sinh thời thấp kém, đủ thấy nương dấu vết Phật. Nhưng Phật có ba thân, hai thân pháp báo, trời, người chẳng thấy được. Hóa thân giúp khắp cõi Tam Thiên, cho nên có trăm ức Đức Thích-ca tùy cơ cảm ứng trước sau không nhất định, không đáng nghi ngờ.

(Y cứ mà biết xưa ghi không đáng nương theo).

Trong thứ tư, ban đầu nêu Tỳ-kheo thưa hỏi: sau trong Phật đáp, Tam bảo và giới, trụ trì, cương lĩnh, kinh, mạn, hưng, phước quyết kia rõ ràng. Thứ hai, kính Tăng nghĩa là đại chúng bốn người sắp lên.

Trong giải thích, khoa đầu trước nói đồ chúng đứng hầu. Không có trái nghĩa là thuận giáo. Chử truyền trở xuống là chỉ vọng, chử truyền bình thình. Ngày nay thiên giảng không biết phép lễ, đứng nhận chúng lễ, hoại diệt tăng tông. Vả lại tăng bốn người thì làm việc công cao, chỉ một người thì sức yếu, lý trái ngược kính, vì giữ giáo giới tạm khai chúng đứng. Hưởng chi ngoài không khuôn phép, trong đức trống rỗng, chỉ muốn tự tôn đâu nghĩ quả báo đời sau, quyết phụ cao thức xin nghe lời thẳng, hoặc đối đại chúng quyết nên khởi kính, Phật nhận chúng lễ chỉ có thể ba người. Hoặc chúng đứng vòng tròn thường biết chẳng tiện, đã ở địa vị sư biểu đâu được hồ đồ.

Khoa kế, tăng tàn trở xuống là đã phạm thiên đầu, mất địa vị thầy. Đệ tử kính lý là cầu tăng hành pháp đệ tử dư số. Cũng phải kính lễ, nghĩa là thầy xin sám lập lễ bày lời. Chữ vi trở xuống hai câu là nói ý kính lược, là biết đệ tử ở tăng, chỉ y cứ tăng riêng mạnh yếu, bất luận thầy trò cao thấp. Hành sám đã vậy, trai giảng các việc y cứ nghĩa đều không, cho nên chú giải để chỉ bày.

Trong lớn nhỏ kính nhau, khoa đầu, trước luận Tỳ-ni Mẫu tức lời Phật sắp nhập diệt dặn dò. Ban đầu khiến kính thờ giới, trụ trì trong mộc-xoa là hơn, cho nên chế y theo. Chữ đương trở xuống là kế khiến kính nhau. Tịnh pháp tức Luật phạm. Tôn trọng nghĩa là tuổi cao đức đầy mọi người tôn trọng. Tuệ mạng nghĩa là nghe rộng, nhớ dai, dùng tuệ làm mạng, đều là lời khen tốt đẹp.

Thứ hai, trong kế lễ ban đầu chỉ bày chung. Năm chúng trở xuống là lược đề cập chữ thấp. Tương lễ là như năm chúng đối nhau thì bốn ngôi cao thấp, hai chúng Sa-di đồng một ngôi. Nếu năm chúng nói tự chia lớn nhỏ, ngay chúng đồng tuổi thì phải đối nhau lễ. Như lai và tháp, năm chúng đều kính một bề tôn trọng cho nên nói là chung lễ. Tháp là một phần, chữ sơ trở xuống là nêu riêng.

Khoa kế, trong Ngũ Bách Vấn quyết trước lễ tháp, dẫn Phật làm thí dụ, ý nên báo ân. Chữ tử trở xuống là nghĩa y cứ luận nói lễ mộ, không nói chết.

Trong bày riêng, văn đầu tiên nếu y cứ Sa-di cũng lấy sự thọ giới trước sau để chia ra thượng trung hạ, ở đây y cứ nhiều người, đầu tiên nhận sắp bày, kế vì nói. Năm sinh tức năm lớn nhỏ ở đời. Năm xuất gia tức năm vào đạo trước sau.

Khoa kế, ý hỏi sợ cho là chúng sau đồng đại tăng. Trong phần đáp có hai nghĩa: Ban đầu y cứ giới đồng giải thích. Chưa thọ giới cụ túc tức đồng chung gọi là Sa-di. Không có thặng đức là giới thể đồng. Chữ hựu trở xuống là kế y cứ giải thích chẳng phải thầy. Đại tăng không như vậy là trái với hai nghĩa trên. Tỳ-kheo-ni trăm tuổi hạ lễ Tỳ-kheo mới thọ giới.

Trong phần ba, ban đầu bày nghĩa lễ, thân miệng kính thành cung kính để bày ý trọng. Chữ xuất trở xuống là hiển tiếng Phạm và tiếng Hoa. Chữ ngũ trở xuống là nói về chung riêng. Chữ trung trở xuống là nói nhận thể tục lễ. Kinh Cung kính do Trung A-hàm kiết tập, kinh ấy nói rằng: lúc ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo phải thực hành cung kính và khéo quán kính trọng các vị Phạm hạnh. Nếu không cung kính thì không có việc ấy.

Trong thứ tư, luận Tỳ-ni Mầu có bốn tên, cuộc hạn y cứ giới hạn của hạ, nếu luật Ngũ Phần lấy ở trên không người, lúc nào cũng nhận xưng thì không lớn nhỏ. Ngày nay xưng Thượng tọa không biết ai là hạ tọa.

Trong phần thứ năm, khoa đầu trước nói phạm vi cùng ngồi. Chữ nhược trở xuống là kể rõ trải giường lớn nhỏ, có ba:

1. Giường ngồi.
2. Giường nằm.
3. Người ngồi.

Nghĩa là dưới ba khuỷu tay, tức giường ngồi thì nửa khuỷu hai thước bảy tấc, hoặc dưới số cùng không cho ngồi chung, giường nằm quá ba khuỷu là năm thước. Bốn thước sắp lên là ba người hoặc hơn cho nên thêm đến bốn hàng. Bốn tuổi, như sáu tuổi hạ được ngồi chung với người mười tuổi hạ. Lớn sẽ được liền giường: Một là do giường nhỏ, hai là không cho động, cho nên tạm khai. Chữ nhược không trở xuống là kể rõ mềm nệm y theo lượng giường trước, chữ nhược tán trở xuống là sau nói trải cỏ, do không hạn lượng cho nên được ngồi chung.

Khoa kế, Già luận nói nghĩa trải đất là nối dài không thể động. Luận Tát-bà-đa, giường nói rộng khác nghĩa là trên giường trải tòa. Giữa trống, bật là tiêu chuẩn phải xa nhau mới khỏi lỗi chê bai. Nói rõ về nam nữ thế tục rất dễ biết.

Trong phần sáu, ban đầu nói nhận lễ, nghĩa không có chột cao ngạo như dê cầm kia, có ngoại đạo sống như dê cầm thọ pháp không nói chuyện với nhau, ở đời có người giữ phép không nói là thực hành hạnh trên, đây là pháp ngoại đạo, nên mau bỏ đi. Lời hỏi thăm tùy thời mà biến đổi, không hẳn phải nương theo đây, cho nên nói là “đẳng”. Chữ cung trở xuống là nói kêu gọi. Tuệ mạng là gọi chung không duyên hạ tọa, tuy già lớn cũng được gọi, tức như trong kinh nói Tuệ mạng Tu Bồ-đề.

Thứ hai, trong pháp phụ tạo tượng, khoa đầu hai câu trên là nêu bày. Chữ Như lai trở xuống là chánh nói. Hiện tại tức hóa tướng Phật pháp, một thời kỳ lợi ích gần. Vị lai là trụ trí Phật pháp, ba thời lợi ích xa. Tức kinh nói rằng: Người đáng độ đã độ, người chưa độ làm duyên được độ.

Kế, trong phần chánh nói, văn đầu tiên trước bày viết về Mục-liên. Chữ trí trở xuống là sau dẫn Như lai từ bi dạy dỗ. Do Phật đản sinh được bảy ngày thì Ma-da qua đời, sinh lên cõi trời Đao-lợi. Phật sau khi thành đạo nghĩ báo ơn mẹ nên lên trời nói pháp suốt một mùa

hạ. Xét kinh tạo tượng, bảy giờ vua Ưu-điền nhớ Đức Như lai nên sai Mục-liên dẫn ba mươi hai người thợ lên cõi trời kia, dùng gỗ chiên-đàn, mỗi người khắc một tượng, như vậy đến ba lần mới được đầy đủ. Văn nói rằng “sợ” là nếu luận viết tợ như chỉ ngài Mục-liên, lấy sau từ bị răn dạy là suy ra ý Phật. Tuy duyên là do ý của vua Ưu-điền, mà vẫn giữ đến đời sau.

Kế trong rủ lòng dạy dỗ, đầu tiên nói thợ ký, tức Ưu-điền nghe Phật hạ thiên, đặt tượng trong tháp báu, để đón rước Phật, tượng liền bước đi bảy bước để đón Như lai. Phật xoa đánh thợ ký cho tượng, lời như ở Sau dẫn. Cúi đầu uốn mình cho nên nói rằng thùy địa. Chữ nhân trở xuống là kế chánh dạy dỗ. Nghi tắc pháp thân là tiêu biểu oai dung tướng tốt của pháp thân, được tam-muội niệm Phật dễ thành. Đủ tướng tốt là do sinh sự ưa muốn nên chiêu cảm quả báo cao quý. Như thị tức chỉ đàn tượng, ban sắc về sau phải mô phỏng theo.

Trong chú giải, Quốc tăng tức Cưu-ma-la-diễm từ Tây Thiên mang tượng muốn đến Trung quốc, đi qua bốn nước đều bị giữ bốn vế (Chú thích “Sau này truyền tức biết là bốn vế thứ tư chẳng phải tượng Ưu Điền tạo”). Đến nước Quy-tư, Quốc vương lại khiến bỏ đạo, ép gả em gái, sau sinh ra ngài La-thập, ôm tượng đến Diêu Tần, sau Hiếu Võ đời Nam Tống phá nhà Tần lại rước tượng này trở về Giang Tả dừng ở chùa Long Quang. (Cho nên hiệu Long Quang thụ tượng) Đến đời Tùy đặt tại chùa Trường Lạc ở Dương Châu, có vị tăng tâu thỉnh tượng về chùa (nay ở Đế Kinh, đây là y cứ Long Quang Bích Ký đã chép, hoặc Cảm Thông Truyện vị trời nói chẳng phải ngài La-thập đem đến, chưa rõ là ai).

Kế, trong chỉ bày Phương Tây, khoa đầu trước bày mặc tình, ký lạc thế nhiệm như sau tự thuật. Chữ sở trở xuống là thế dẫn chế xưa. Ban đầu, dẫn Ấn-độ truyền đến. Lĩnh đông tức Chấn Đán ở phía Đông Thông Lĩnh. Phong cốt mạnh khỏe là nói thể chất, mặt mày kia. Kính là thẳng, oai nghi nghiêm túc trang trọng là nói oai thế. Mỗi phát thân quang là nói sự linh dị. Quang thế sinh thiện là nói động người.

Trong chú giải, y theo Minh Dương Ký chép: niên hiệu Hàm Hòa năm thứ tư đời Đông Tấn, Doãn Cao Lý ở Châu Lăng (khổ hồi thiết, lại âm lý) nhân thủy triều xuống thấy trong bến có ánh sáng, sai người vớt lên được một tượng vàng cao gần ba thước, thiếu ánh sáng mu bàn chân, bèn lấy xe muốn chở về nhà, lúc đi ngang qua chùa Trường Can (Trường Can là tên đất, Can là đất chùa Lũng tại Lũng Trắc ở Kim Lăng ở Thượng Nguyên) xe bèn không đi, nên mặc tình trâu kéo vào

chùa. Lại qua hơn một năm có người đánh cá ở huyện Lâm Hải lại tháo nước được một tòa hoa sen dâng lên vua thành đế, vua ban sắc để tượng cùng chỗ cũ phù hợp. Sau có năm vị tăng Ấn-độ đến nhà Cao Doãn nói chúng tôi ở Thiên-trúc được một Tượng Dục Vương đem đến, đi đường nguy hiểm bèn chôn ở mé sông Huỳnh, sau tìm lại không được, chúng tôi đều mộng thấy tượng nói rằng: “Ta trôi theo Giang Nam được Cao Doãn vớt lên” cho nên chúng tôi đến hỏi thăm ngài Cao Doãn, Cao Doãn dẫn vị Tăng vào chùa lễ tượng, năm vị tăng nhân đó ở lại chùa. Qua bốn mươi ba năm sau có Hợp Phổ Quận ở giao Châu là Thái Châu Sư lại vớt được cai hào quang dâng cho vua Văn Đế, lại sai đưa đến chùa Trương Can lại hợp với chế gốc. Khắc ở gót chân, nghĩa là bảy chữ A... khắc ở chân tòa, vì tiếng Phạm trước không ai biết, sau Cầu-Na đến mới biện định. Ở kinh đô, được nhà Tùy rước vào chùa Hưng Thiện thuộc phủ đại ở kinh triệu, thường đến ngày lục trai có phát ra ánh sáng.

Kế dẫn cõi này chế tạo. Đời Hán Phật pháp mới truyền đến là ở trước đời Tấn, Tống. Phướng phát là gần giống. Chữ tinh trở xuống là gồm nêu ra lý do, câu đầu là tâm lượng, câu kế là kính mến, câu ba nghĩa là pháp xưa. Chữ cố trở xuống là kết thành chỗ dẫn.

Trong hai pháp mất, khoa đầu trước nêu được mất, do đó lại nói phước kính, đoạn đó lỗi ở không phép. Chữ đản trở xuống là kế bày tướng phi, lại có hai: Ban đầu bác bỏ tạo tượng, trước nói sấm sửa bất tịnh. Chữ Bồ-tát trở xuống là kế bày hình tượng trái nghi, thân lượng luận giá trị kia cho nên chỉ hỏi dài ngắn, tướng tốt không khiến dụng cho nên bất luận toàn đủ. Tranh giá lợi độn, lợi nghĩa là người thợ muốn được nhiều, độn tức người chủ không chịu thêm giá. Tính cung là cung cấp thức uống ăn. Bốn câu trên là danh cú nhân phi. Chữ tửu trở xuống bốn câu là tượng phi. Hương di là dâng tặng, chữ di khứ thỉnh. Chữ trí trở xuống hai câu là nói kia không công, chữ thọ thượng hô. Hình thể lửa lò, thân cong co gãy là loại dâm nữ (xưa ghi cho là nói bất tiện, cho nên âm là điều để dạy người tốt đẹp không thấy ý. Ở đây trách người tạo đâu chê tượng thánh, hẳn cho là dâm nữ nói thô là đồ phụ làm sao không đổi? Nay chỉ y chữ tôi chỉ châm ngược chứ không nhọc xuyên tạc) Hàm sân nợ, mắt vai khô nứt, hươ ay không cho nên dụ là đồ phụ.

Chữ cho đến trở xuống là kế nói tạo kinh, nhược bút nghĩa là không khéo viết, ác tượng là không chọn thợ khéo, chỉ dưỡng tức cung cấp ít.

Trong thứ hai, ban đầu nói không linh, kinh tượng giữ gìn thì được công cao cho nên tin là đầu. Chữ cố trở xuống là nói lỗi. Trộm cắp là

gặp đoạt mất. Hủy hoại là bị gió lửa làm tổn. Riêng lén nấu đúc, nghĩa là vàng đồng, v.v... nấu tượng làm vật khác. Đốt kinh thọ dụng tức chữ kinh bằng vàng bạc đem nấu lấy làm vật khác. Phần nhiều gây ra tội lỗi là làm lụy người. Chữ tinh trở xuống là nêu ý. Mông, hèn, khinh hối, trái lễ giáo tục, chẳng phải lời dạy trang nghiêm của Phật, cho nên nói rằng trái pháp thế, xuất thế. Hai báo hiện tại, vị lai nhìn tượng mà ra, sau đó chế tạo có thể không dè dặt ư?

Trong thứ ba, ban đầu rõ hợp pháp có linh. Trong chú giải tức tượng chùa Trường Can trước ở chùa Hưng Thiện, gặp giặc duyên đủ như chú giải. Lại bộ Thánh Hiền Lục chép: đời Tùy, điện Phật chùa Hưng Hoàng ở Tương Châu bị cháy, có tượng đồng cao tượng sáu ở ngay dưới rường, bị lửa đốt cây rường gãy rồi, tượng tự dờ năm sáu thước về hướng Nam, phía Nam tro than cách năm sáu thước mà tượng không dính bụi, ở sau chùa Bạch Mã chim chóc không xâm, đây đều là tạo lập có pháp mà chiêu cảm.

Chữ dẫn trở xuống là kể nói chí thành cảm Thánh. Trong đây Tây Độ Linh Nghi nói khéo thấy thạch nha là y theo kinh Trà-tỳ nói: “Bốn rằng nanh thì hai cái ở cõi trời Đao-lợi”, (tức ở chỗ Đế-Thích)”, một cái bị La-sát trộm (tức vị trời dâng Tổ Sư, nay ở Đế kinh) hai cái khác vẫn kinh không chép. Thiếu đây tức dưới đánh xương ngang, nhiều đánh mà chuyển, đến cổ họng lõm xuống, như thiếu duyên đây. Khi trà-tỳ lấy để ở cõi trời Đao-lợi, sau Sa-di Tu-na vì Quốc Vương Sư Tử mà lên cõi trời kia lấy về. Theo kinh Tăng Nhất, trên hai tượng kia nêu riêng tạo lập. Chữ nhị trở xuống là hợp bày thân lượng.

Kế trong phần tạo tháp, khoa đầu, trong tạp tâm trước nêu tên. Xá-lợi, tiếng Phạm lần lượt, nói là Thất-lợi-la, Hán dịch là Thân, tức di thân của người, hoặc thân nát, hoặc toàn thân, tóc, móng, tro xương gọi chung là Xá-lợi. Nhưng Xá-lợi và tháp gọi chung là phạm Thánh, nay nói tạo lập phần nhiều là tháp Phật, cũng chung cho các vị Thánh khác, không gọi chi-đề nghĩa là chỗ để hình tượng, sau giải thích là miếu mạo. Tháp hoặc trở xuống là phiên dịch tháp-bà, thân-bà cũng đều là lâm lược. Kinh Âm nghĩa nói: nói đúng là Tốt-Đỗ-Ba, dịch nghĩa là phương phần, là chỗ cao rõ (do vì vọt ra). Hoặc nói rằng đại tụ, hoặc nói là tụ tướng (Vì xếp nhiều vật mà thành).

Khoa kế, ban đầu bày nhân quả. Sơ khởi là mới làm. Phạm phước nghĩa là phước tối thắng của Phạm Thiên Vương. Chữ như duyên trở xuống là so sánh Phạm phước. Chung cả Nam Châu không bằng một Luân Vương. Chung Luân Vương bốn châu không bằng sáu tầng trời cõi

dục (Tứ Thiên nương núi Tu-di cho nên nói riêng), chung bốn châu và sáu tầng trời cõi Dục không bằng Phạm Chúng Sơ thiên, chung cả người cõi trời Phạm Phụ không bằng Đại Phạm Thiên Vương.

Chữ thử trở xuống là khuyên tu. Xây tháp lập chùa được phước như vậy cho nên dạy phải học.

Trong thứ ba, ban đầu nói tạo lập. Đặt nên là cho bền chắc, làm an là giữ bên ngoài, treo cờ phướn lọng báu tức là thang ghế. Chữ bất đắc trở xuống là kế chế đạ dơ. Chú dẫn Đại Luận hội trên thần danh. Chữ hựu trở xuống kế giải thích Mật tích, do Bồ-tát thị hiện cho nên được gọi như vậy. Kim cương tức là cầm chày dùng để làm đao, sau dẫn luật Ngũ Phần, hầu hạ hộ vệ Phật, sau khi Phật diệt độ cũng như vậy. Nếu có cổ lấy cho khai câu dứt. Chữ nếu tháp trở xuống là nói lọng che. Chữ địa trở xuống là rõ trị, chữ tu trở xuống là nói khí cụ, do phong tục ở Ấn-độ phần nhiều đi chân đất. Để bên đường là tiện lên trên. Ngoài làm tường là sợ dơ uế. Chữ nếu trên trở xuống là nói dâng lên cúng dường. Thức ăn uống được cho đạo tục tức người giữ tháp. Làm việc tức người xây dựng. Chữ xá trở xuống nói giữ gìn Xá-lợi. Chữ nhược trở xuống là nói quét dọn, chỉ có thể bỏ bụi, vật khác đều được. Chữ Da trở xuống là nói sự trang nghiêm, thủ luân: xưa nói rằng “Trong tay Phật có bánh xe ngàn căm”.

Trong thứ tư, ban đầu nói chọn đất. Quy nghĩa là xem xét. Chữ kỳ trở xuống là chỉ phương chỗ. Nên hướng Đông bắc là để cửa chùa hướng Đông, tức hai phương trước mặt và bên trái làm, trong chú thích trước bày ở Ấn-độ, cũng viết là Tịnh. Hướng Đông bắc gió nhiều thì hơi hôi không đến điện tháp, đây là lý do cửa chùa hướng về phía Đông. Sau nói xứ này nên ở Tây nam, nay nhà bếp, nhà xí phần nhiều ở Đông bắc, cũng do hướng Nam tây gió nhiều. Chữ bất đắc trở xuống là cấm xâm phạm, ở Ấn-độ đất phật, Pháp, Tăng có giới hạn riêng, không lẫn lộn nhau. Chữ lạm trở xuống là chỉ giới trộm, kia nói muốn xây tháp ở đất của Tăng phải làm pháp hòa Tăng, v.ô5

Trong thứ năm, khoa đầu có năm đoạn; ban đầu khuyên tu. Nhất thiết trí, gồm sáu mươi cõi, trí thế, xuất thế đều tròn đủ, gồm chứa không cùng, sinh ra vô tận, cho nên dụ như Tạng. Sinh thân là hiện tại, diệt thân là Xá-lợi. Chữ nhược tự trở xuống là rõ làm xong. Tự có công đức, nghĩa là giàu với đạo hạnh, mọi người kính tin. Với mình chớ khinh là do có khả năng cúng dường, được phước đức lớn. Chữ phạm sắc xuống là nói dụng tâm. Nhược dĩ trở xuống là nói vật thí. Hiện tại và sau khi diệt độ không khác nhau là chỗ được phước còn mất đồng nhau.

Nhược kiến trở xuống là nói cấp đủ.

Khoa kế, sửa chữa tự làm khuyên người tùy sức tự đào. Trong thứ ba, đầu tiên nói tạo lập. Chữ nhược thị trở xuống là nói làm cho sạch. Chữ nhậm trở xuống là nghiêm sức. Chữ họa trở xuống là nói tạp uest, cõi này thường dùng keo cá, trâu..., tuy là tanh hôi nhưng vẽ bền lâu. Chữ ứng trở xuống là nói cúng dường. Chữ bất trở xuống là nói phi pháp. Tô thoa sữa để rửa đều là phép ngoại đạo.

Trong phần thứ tư, khiến mật tàng là không sinh thiện. Khiến cung kính là sợ sinh kiêu mạn. Ngày nay có làm vọt tướng hoặc vẽ tướng đầu Phật đều nên ẩn đi.

Trong phần thứ năm, khen ngợi có công năng hiển bày đức của Phật cho nên hơn cúng dường vật báu.

Trong thứ sáu, khoa đầu trong kinh Vô Cấu, trước người nữ hỏi va việc quả báo: quét tháp. Hai, là hỏi bơ, sửa cúng dường; bốn tướng tức hình người vuông tròn, bán nguyệt. Ba, là hỏi tu bốn pháp. Thiên là định của cõi Sắc và Vô Sắc. Phạm hạnh là bốn tâm vô lượng. Hai thứ trên là chánh dùng, một thứ sau là nhân nhân. Chữ Phật cao trở xuống là Như lai kế đáp. Đáp trong ban đầu hỏi năm thứ phước: Một là nội cảm. Hai và ba là ngoại ứng. Bốn và năm là lai báo, lớn là báo riêng, năm là báo chung. Chữ nếu người trở xuống là đáp câu hỏi thứ hai: bốn tướng bốn tiết, trong phần đầu “Nếu người tin Phật cú tuyệt”, câu này là nêu tâm nhân. Chữ viên trở xuống là nghiệp hạnh, nghĩa là ở đất tháp lấy bùn trét làm tượng, cho nên có vuông tròn khác nhau. Chữ bỉ trở xuống là nói được báo, tức sinh báo và hậu báo (ba món khác văn tiết đều như vậy).

Phật-bà-đề tức Châu Thắng Thân ở phía Đông, người cõi kia mặt tròn (Câu xá nói người ở Đông Châu mặt hình bán nguyệt không giống với kinh). Cù-đà-ni tức Tây châu, người cõi ấy mặt như nửa mặt trăng, Đâu-suất, Hán dịch là Tri túc, là tầng trời thứ tư ở cõi Dục. Uất-Đơn tức Bắc Châu, người cõi kia mặt vuông, Diêm-ma tiếng Hán nói là Diêu Thiện, là tầng trời thứ ba của cõi Dục, hình mặt người tức Nam châu, mặt người trên rộng dưới hẹp. Văn thoát hai báo, kia nói rằng: “sau sinh cõi Diêm-phù-đề, qua đời sinh lên tầng trời ba mươi ba (Đao-lợi)”.

Chữ sở trở xuống là tổng kết bốn tướng. Nếu người nhập thiên trở xuống là đáp câu hỏi thứ ba, ba câu đầu nói nhân tu. Bốn phạm hạnh là từ, bi, hỉ, xả. Chữ bỉ trở xuống là nói cảm báo, gốc lành là hiện báo, phước báo là lai báo, tức thế giới người, trời. Định Thiên Phạm sinh lên cõi trời, quy giới chung cho trời, người. Niết-bàn là quả xuất thế, kinh

Niết-bàn chép: “Phương Đông có thế giới Phật tên là Bất Động, Phật hiệu Mãn Nguyệt Quang Minh”. Bồ-tát Vô Úy bạch Phật: “Chúng sinh cõi này tạo những nghiệp gì mà được sinh về cõi nước ấy?” Phật dùng kệ đáp như sao đã dẫn. Bốn câu trên tức bốn món nhân. Trong chánh thủ có hai, một câu sau là bày quả. Nói không Phạm, nghĩa là không xâm tổn.

Trong phần hai, Ấn-độ phần nhiều dùng diệu hương thoa thân cúng dường, mười giới chế cấm, ở đây hỏi đó. Trong pháp có hai, giải sau là chánh dùng của nay.

Trong thứ ba, phá chùa quả báo nặng, lại nói công lao tạo lập sâu nặng. Hai, là pháp xây chùa. Trong gồm chỉ bày, đầu tiên nên nhân pháp, tức Pháp Sư Lộ Dụ khen ngợi đạo hạnh cao đẹp, cho nên nói là thanh đức. Tự cáo tức đường chung của văn kia. Chữ cụ trở xuống là chỉ bày chỗ trình bày kia. Chữ sự trở xuống là rõ chỗ dẫn dụ ngày nay.

Kế, trong dẫn bày, văn đầu tiên trước bày đúng như pháp. Cơ nghĩa là cơ hiện. Thiệp là can thiệp tức các chỗ gần chùa Ni, bên chợ v.v..., nghĩa là chỉ xây nhà ở mà khi yết-ma kiết giới thì có làm, cho nên nói cũng có. Nói ngoài hạn, hoặc nhà, hoặc ở ngoài chùa. Chữ số trở xuống là dẫn bày cây đá, v.v... là trồng cây tiêu biểu sự lớn lên, dựng đá là nói lên nghĩa xuất sinh Viện vô thường ở phía đây nói lên sự chìm nổi chẳng lâu. Lập chùa là tiêu biểu người mê biết quay về. Lầu quán là tiêu biểu thứ bậc đạo phẩm. Ven ao là tiêu biểu tà ma ngoại đạo rửa tâm. Cắt hoa sen tiêu biểu cho người tu hành tâm thanh tịnh, còn bao nhiêu như kia nói, nếu cần thì nên tìm (Đồ kinh ở gần Nhật-bản đen đến văn có hai quyển, tức Tổ Sư chọn). Ở đây che tà thuật nghĩa là khiến tà ma ngoại đạo không còn oai thế. Chướng dụ như đóng lại. Cần thứ sợ oai nghĩa là khiến loài khác không dám xâm phạm. Hình nghi ẩn ánh nghĩa là tượng bày đáng xem, làm sự khâm phục kính mến cho đời, tức kẻ sĩ thứ dân sinh thiện (Xưa ghi vọng giải thích, nay đều không lấy).

Kế, trong vô pháp, khoa đầu miên tích giống như nói dài lâu, bình là cầm. Thố cử nghĩa là mỗi việc phế lập đều mặc ý. Phỏng giáo nghĩa là xen lẫn tu tập theo phong tục sai lầm. Cạnh tâm là tâm chiến đấu cạnh tranh. Lực chí hết sức dụng ý. Cao hiển tức phó tranh tâm nhiệm mầu. Vượt kia bèn xưng chí hơn người.

Khoa kế nói người tục ngu tối, văn bày bốn chủ nghĩa chung cho người khác. Hủy là y cứ vật, tổn nhục là y cứ Tăng. Thừa là phụng thờ. Khoa này chữ lớn đều dẫn tự cáo, cho nên chú thích để giúp. Xin mời là cầu xin coi sóc các việc. Thời kia còn như vậy, ngay nay có gì là lạ. Lại

có điện đường yến tiệc, bếp Tăng nấu giết, gởi cho tạp vật, chứa nhóm lương thực, hoặc giành làm nha đình, hoặc kết làm trường vụ, hôn nhân sinh bản, tạp uest khó nói, đây là do đạo chúng chẳng có tài, đâu chỉ kẻ tục người Nho không biết, hối hận pháp môn bị che mắt, ai là người phò trì. Lại than hận báo địa ngục, ai sẽ là người cứu trị, quyết lòng ôm hiểu biết sâu xe nầy không còn suy nghĩ, là biết họa phước không của, chỉ do người chiêu cảm, kẻ có sức, có thể giúp thuyền mà khuyên.

Trong phần ba, đầu tiên là chánh khuyên. Cãi vãng nghĩa là hối hận các lỗi trên. Tu lai nghĩa là từ đây về sau vượt lên. Theo pháp tức nương giáo, càng mới tức khởi kính.

Trong chú giải, đầu tiên bày ý bốn thí. Chữ duy trở xuống là bày chỗ ứng. Chữ vi bỉ trở xuống là nói lợi ích. Kế dẫn kinh làm chứng. Xà vương gây ra tội nghịch tà kiến, sau mới quy y Phật cầu sám hối, cho nên thực hành lệnh nầy. Trí thâm nghĩa là khoa phối tài vật. Rước đưa nghĩa là chỉ thờ quan liêu, việc thờ Phật đều khiến buông bỏ.

Chữ khởi trở xuống là suy tìm lý do được tin.

Trong phần bốn, khoa đầu có hai, trước khuyên kính thờ pháp vật, nơi chốn thọ dụng thường hay vắng lặng. Tượng bày hương đèn thường phải trang nghiêm sạch sẽ. Chữ nãi trở xuống là kế khuyên nhiếp tâm niệm pháp. Cắt nhiệm tức nhớ nghĩ hình tướng kia. Vốn mưu việc gì? Tức kính chỗ cho rằng phải tự sỡ đầu v.v... giới thể là niệm thọ thể, bổn thể được lập lại, tức kính gọi là nghĩ pháp đã thọ v.v... Lý nghiệp sâu xa nhỏ nhặt, người đời phần nhiều ngụy lạm cho nên nói rằng “Chân chỉ”. Hành lai v.v... tức nhớ nghĩ thánh pháp. Lai nghĩa là đối với bốn oai nghi, bốn việc đều vãng theo khai chế, không cho vọng động. Tăng đã nội tu, kẻ tục quyết thêm cung kính.

Khoa kế, ban đầu nêu việc đời. Trong chú giải nói ngụ chủ sáu nước thời Văn Hầu, Can mộc người đời Tấn, lúc nhỏ nhà nghèo, làm nghề cấy bừa cấy cỏ, ở nhà tranh mà không cầu danh lợi, địa vị. Sau đến Tây Hà thờ Tử Hạ làm thầy, dưỡng đức không nói tâm thông sáu nghề (Lễ, nhạc, xạ, cưỡi ngựa, làm thơ, toán số là sáu nghề). Văn Hầu trọng tài đức của Can Mộc, ra lệnh đem xe giá đến ra mắt. Can Mộc vượt tường trốn đi, tùy tùng nói: “Can Mộc cũng là kẻ sĩ vải thô có gì mà Ngài trọng như vậy, sao lai không bắt tội?”

Văn Hầu nói: Can Mộc không xu hướng lợi ở đời mà dừng ở đại đạo, ở ẩn trong hang cùng ngõ hẻm mà tiếng tâm vang cả muôn dặm. Hạnh nương đức, ít ai sáng ở đời, giả như sáng ở đức ít người giàu tiền tài. Can Mộc giàu ở nghĩa ta nghe đời không kịp đức, tôn tài không bằng

nghĩa trọng, ta dám không tôn trọng kẻ hiền đức đạo nghĩa hay sao?

Sau mồi làm tướng mà không đến. Lữ Thị tức Lưu Bị là tiên chủ nước Thục. Khổng minh tức Gia Cát Lượng tự Khổng Minh, Tiên chủ xem trọng, chính thân cầu làm Thừa tướng, Tiên chủ nói: “Quả nhiên có Khổng Minh như cá có nước”. Phải biết giàu đạo đức còn khiến vua quý trọng, người khác có thể biết là đường nào.

Kế, là trong so sánh đạo, ban đầu nói người khác cung kính. Đạo sĩ vốn khen ngợi họ Thích, sau bị bọn khản vàng lạp rình bèn không khen ngợi nữa. Đắp pháp y ấy là nói hình tướng, đến chỗ Phật đi là nói về nội tâm. Ba học vô lậu, tám chánh đạo, sáu độ, bốn thế nguyện rộng lớn... là chỗ Phật đi. Oai nghi, v.v... là nói sự động dừng kia. Chữ nhược trở xuống là dạy tự kính. Do tự mất là quy lỗi về mình. Không đâu chẳng kính nghĩa là đối người không phân biệt. Chữ kính tất trở xuống là bày lợi ích. Kính người có oai nghi là tâm bày ra ngoài. Đâu chỉ v.v... là tự lợi gồm lợi tha.

Trong chú giải hiển bày nghĩa thâm cảm vời. Trên nêu dụ, ruộng không cầu, tâm người muốn toan gieo cho nên nói là tự gieo. Chữ đạo trở xuống là pháp hợp. Tăng không cần, ý người tự cũng cho nên nói là tạm gởi. Tiệm là thâm, thác là gieo vào.

Trong phần ba, đầu tiên là nói bày người khác khinh. Chữ dĩ trở xuống là kế nói tự mất. Pháp diệt thân là trái với các việc, tâm hình, oai nghi ở trên, buông thả trong ngoài thân tâm, không có pháp cho nên diệt ở thân. Chữ nhược trở xuống là kết khuyến. Chú giải chỉ bày đợi gặp pháp vua quan. Đầu tiên dạy oai nghi bên ngoài. Không đưa rước là do khuất đạo. Không đồng giường là sợ. Chữ hựu trở xuống là dạy nội tâm, nhưng đây y cứ Tỳ-kheo bên trong có thật đức, vua quan đều ôm lòng tin sâu cho nên có thể làm. Ngày nay đạo hay tục cả hai đều kém mỏng, chưa thể như văn, đều khiến có đạo vẫn còn phải quán cơ, sự ở nơi gặp thời, tuy nghi thích biến. Lượng sự rộng hẹp của món đồ, xét thứ vị cao thấp, quán căn cơ tin ưa sâu cạn. Xem lại tình phân thuận thực hay chưa. Đây cho nên Lễ Ký quý ở theo tục, Dịch Thơ tốt đẹp là tùy thời, nếu dính mắc một mối thì chắc chắn gặp hoạn nạn, xưa nay phần nhiều sợ đời có chiêu cảm.
